

TẢN MẠN VỀ MẶT TRĂNG VÀ THẦN ĐỘC CƯỚC

(QUA TẠO HÌNH)

QUỐC VŨ - MINH KHANG*

Nôm nay, ngày 19 tháng 9 năm 2008 (tức ngày 20, tháng 8, năm Mậu Tý), kỷ niệm 13 năm ngày Từ Chi trở về bến bình yên. Chúng tôi theo một số nhà nghiên cứu đàn em của Cụ tới dự giỗ.

Câu chuyện tản mạn đầy tình cảm của những học trò giành cho Cụ khiến những người hậu thế như chúng tôi đầy xúc động... Chúng tôi tự hỏi, tại sao Cụ lại mất vào ngày 20, tháng 8 Âm lịch, vào đúng ngày mất của Đức Thánh Trần và nhiều vị khác như Lý Nam Đế... Có cái gì thiêng liêng để níu kéo những người học trò, mà nay đã có bậc vào tuổi "cổ lai hy" cũng hết sức kính trọng Cụ. Người ta nói đến đức độ của Cụ và đặc biệt là năng lực trí tuệ. Chúng tôi hết sức chú ý đến câu chuyện mà các vị đàn anh đó bàn về mặt trăng cùng những biểu tượng liên quan đến mặt trăng, bởi đó là một hình tượng chúng tôi đang hết sức quan tâm, nhất là với hai tượng thần Độc Cước ở chùa Kiên Lao, xã Xuân Kiên, huyện Xuân Trường, tỉnh Nam Định.

Trong câu chuyện "phiếm bàn", chúng tôi được biết rằng: Với cư dân nông nghiệp thì mặt trời là nguồn sinh lực vô biên mang tư cách thúc đẩy cho mọi sự sáng tạo của vũ trụ thế giới được hình thành, nhưng quan trọng hơn lại là mặt trăng, bởi đây là một tinh thể có yếu tố thiêng liêng, thúc đẩy cho sự sinh sôi phát triển. Vì thế, dân vùng biển cả và dân nông nghiệp ở khu vực Nam châu Á rất quan tâm đến mặt trăng. Người Việt cho rằng, thần mặt trăng là một gợi ý để cho nam nữ gần nhau, cho đực cái của cả vật nuôi và cây trồng kết hợp mà tạo nên cải cho thế gian.

Chúng tôi nhớ đến câu chuyện "Khuấy biển sửa" trong thời "Khai thiên lập địa" (theo Cao Huy Đỉnh: Thần thoại Ấn Độ): Một buổi vi Đạo sĩ Durvasa được thần dân cho một vòng hoa; ông đem tặng cho Ngọc Hoàng Thượng Đế Indra, khi ông vừa quay đi thì Ngọc Hoàng vứt vòng hoa xuống đất cho con voi của mình dẫm lên. Vị Đạo sĩ biết được hành động này nên đã nguyền một câu làm cho tất cả các vị thần mất hết sức mạnh. Các thần bị đại bại khi bọn quỷ

đến gây chiến. Sau đó, các thần phải tìm gặp hai vị tối thượng thần là Siva và Visnou để hiến kế. Các tối thượng thần phán bảo, phải nhổ núi Mandara ném xuống biển sữa và dùng con rắn vĩnh cửu Vasuki (một vật cưỡi của thần Visnou trên biển sữa vũ trụ) để làm giây cuốn. Công việc đang tiến hành thì bọn quỷ đến tranh phần, các thần nhường cho quỷ nắm phần đầu còn các thần nắm phần đuôi (hình tượng này đã thấy thể hiện tại nghệ thuật Ăng Co - Campuchia, với ngôi cửa tượng cho núi năm ngọn (Mandara) ở bên trong với hình tượng hai hàng thần và quỷ đang ôm rắn). Khi núi Mandara chuyển động, với sức nặng vô bờ (theo người Trung Hoa và Việt: Núi này chứa bốn thế giới, đó là: Đông thắng thần châu, Tây ngưu hạ châu, Nam thiêm/thiêm bộ châu, Bắc ca lâu châu), khiến núi bị lún xuống, không thể quay được. Ngay lập tức thần Visnou biến thành con rùa khổng lồ chui xuống để đội núi lên. Do gồng sức quá mạnh nên thần bị qe ra một chất độc kinh hồn có thể làm chết tất cả các thần thánh và muôn loài, thấy vậy, thần Siva bèn há mồm nuốt tất cả chất độc ấy, khiến cổ Ngài bị xanh lét. Công việc được tiến hành thuận lợi và trên mặt biển sữa được nối dần lên những báu vật và những con người của thế giới thiên thần, như nữ thần sắc đẹp Laksmi, người con của bọt biển mà sau này thần Visnou lấy làm vợ mình, rồi những vũ nữ thiên thần (Apsaras), con voi Airvata mà thần Indra giành lấy, rồi mặt trăng mà thần Siva giành phần cho mình, cuối cùng là vị lương y và bát thuốc trường sinh (tất cả 14 báu vật). Khi có bát thuốc trường sinh thì thần và quỷ đều tranh nhau uống, khiến Visnou phải biến thành một cô gái đẹp mê hồn (Mokini) giành bát thuốc cho các thần. Trong khi các thần đang uống thuốc thì có một con quỷ đứng lẩn bên cạnh thần mặt trăng, mặt trời, nó cũng uống được thuốc. Ngay lập tức bị hai vị thần này mách với Visnou và quỷ bị chém làm đôi, nhưng do đã uống được thuốc trường sinh nên quỷ không chết, các thần đành phải cho lén ở trên trời để trở thành hai ngôi sao Rahu (Hổ phù) và Kétu (Kế đô). Căm thù mặt trời, mặt trăng, Hổ phù luôn đuổi theo hai tinh

thể này để tìm cách nuốt mà trả thù, tạo nên nhật thực và nguyệt thực. Người Á Đông và một phần châu Phi đen rất sợ nguyệt thực toàn phần, vì đó là điểm của chiến tranh và đói khố. Nên mỗi lần có nguyệt thực, họ thường sử dụng tất cả những gì có thể tạo nên được sự ấm ī để đuổi gấu ăn trăng, với ước mong Hổ phù sợ hãi mà phải qe mặt trăng ra, bởi họ tin rằng, nguyệt thực một phần là điểm được mùa rất lớn dẫn đến hạnh phúc, no đủ. Hình tượng Hổ phù đang nhả mặt trăng ra đã được thể hiện rất nhiều trong tạo hình của cư dân Nam Á và Đông Nam Á, và cả những biến tướng của nó trong kiến trúc nữa... Câu chuyện liên quan đến mặt trăng theo dòng trôi chảy của không gian và thời gian được các bậc đàn anh này dẫn tới tục chơi trâu, đám trâu và cả những hình tượng nhân dạng hóa thần Độc Cước.

Nói tới hội chơi trâu, người ta thường nghĩ ngay tới địa điểm Đồ Sơn (TP. Hải Phòng). Cho tới nay, báo chí và nhiều người vẫn giành cho hội này một tinh thần thượng võ cao. Nhưng chơi trâu đâu chỉ có ở Đồ Sơn mà nó xuất hiện tại nhiều nơi thuộc ven biển nước ta, gần đây nổi lên là ở Bà Rịa - Vũng Tàu. Một hiện tượng có vẻ nhập vào hành động của văn hóa cổ truyền đã được thể hiện ở bến bờ sông Hiếu Giang (Quảng Trị). Có lẽ cũng phải kể tới tinh thần tiết kiệm nên dân làng Hiếu Giang đã đan những đầu trâu rồi phết giấy, đeo hòi đói lên mà húc nhau. Thực chất có phải đây là hiện tượng thượng võ không?! Sinh thời, cố giáo sư Từ Chi có nói rằng, con trâu mang âm tính gắn với nước (thủy ngưu). Song, ở hội, trâu còn mang ý nghĩa sâu xa hơn, lấy ví dụ như ở Đồ Sơn, truyền thuyết kể rằng, có hai con trâu chạy từ dưới biển lên húc nhau ở trên bờ rồi sau đó lại nhập về biển cả. Từ đó mà hội chơi trâu hình thành. Qua việc trâu chơi, chúng ta như đã đọc ra được ở đây nhiều hiện tượng liên quan đến dân tộc học văn hóa, cụ thể là: Sừng trâu phải cân phân đều đặn như mặt trăng lưỡi liềm, thêm vào đó là tất cả những biểu hiện về sức mạnh, như ức, hông, bụng... song đáng quan tâm là ở vai và hông phải có khoáy. Trâu được nuôi dưỡng hết sức cẩn thận để tạo nên một

sức khỏe cường tráng đúng vào ngày hội, khi chơi, tất cả mọi trâu thua đều bị xẻ thịt, duy chỉ một trâu nhất được đưa lên mảng chở ra tận ngoài khơi đến một điểm cố định, được coi là thiêng liêng, thì trâu được hắt xuống để hiến tế cho thần biển. Từ thực tế này, cổ giáo sư Từ Chi đã chỉ ra đôi sừng của trâu phần nào được đồng nhất với mặt trăng, đôi khi nơi đầu kìm của nhà cổ hay đình cổ thường làm giáng của chiếc sừng, nó vừa mang tính chất âm dương, vừa có thể mang biểu tượng cho mặt trăng. Mặt trăng gắn rất chặt với thủy triều, vì thế mà có hiện tượng trâu chạy từ dưới biển lên (thủy triều dâng). Hiện tượng húc nhau được coi như sự vận động của thủy triều. Toàn bộ con trâu như tượng trưng cho nước, kể cả nước trên trời, dưới đất, những chiếc khoáy có thể được coi là biểu tượng của sấm chớp muôn phương... trong nhận thức của người Việt xưa, dù ở trong đồng hay ven biển thường lấy "Hòa" làm trọng, đặc biệt là hòa với thiên nhiên vũ trụ để cầu mong tồn tại. Họ đã làm cuộc chơi trâu như để tìm lấy một sự đồng nhất mà đã đồng nhất thì không xâm hại tới nhau. Hiện tượng này đã dẫn chúng tôi nghĩ tới những chiếc thuyền nhỏ đi biển với hai mũi cong veo của người dân chài xứ Huế, người địa phương thường cho rằng, nhờ thế mà chống được sóng. Tạm có thể đưa ra một giả thuyết để làm việc là, cả con thuyền như hình tượng của mặt trăng luối liềm mà giữa mặt trăng luối liềm và sóng biển là đồng nhất, "chính sự đồng nhất ấy" đã như một đảm bảo cho việc ra khơi được an toàn (ít nhất ở mặt tinh thần). Suy cho cùng, tất cả hiện tượng chơi trâu trong hội đã ẩn chứa đằng sau đó những ước vọng truyền đời của cư dân ngư nghiệp trong ước vọng cầu mong sự thuần hòa của tự nhiên để dẫn tới những thuận lợi cho những con thuyền ra khơi.

Việc sùng bái mặt trăng không chỉ gắn với cư dân ven biển mà còn gắn nhiều với cư dân nông nghiệp, như trên đã trình bày, ánh trăng đã có tác dụng cho đực cái gần gũi, cho sinh sôi phát triển đó là ước vọng với cây trồng. Vì thế đôi khi cũng có hiện tượng chơi trâu ở sâu trong nội đồng, như ở Lập Thạch (Vĩnh Phúc).

Một hiện tượng khác cũng gắn với trâu là ở Tây Nguyên.

Mở đầu cho cuộc "hành hương" vào Tây Nguyên có lẽ nên điểm đồi nét về tục đâm trâu. Tục này không chỉ là một "trò vui" trong ngày hội, mà thực chất nó còn mang một nét tín ngưỡng, bắt nguồn từ một ý thức xa xăm nào đó. Có thể nó được diễn ra trong một cuộc sinh hoạt văn hóa của cả cộng đồng, hoặc của một gia đình với sự tham gia của cộng đồng. Theo dõi cuộc đâm trâu ở buôn Tơ Khế. Một nguyên tắc gần như bắt buộc phải theo là: Con trâu phải khỏe, vừa đủ tuổi để sừng cân phân không vẹo lệch và vừa đủ độ dài mang hình trăng luối liềm, trên thân trâu cần có một số khoáy... Trước ngày đâm trâu, người ta chôn bốn cái cọc liên kết với nhau một cách chặt chẽ ở bốn góc của một hình vuông (mỗi cạnh khoảng từ 25cm tới 30cm), lồng trong các cọc là bốn chiếc cần cao như cần câu, vót cong đầu ra ngoài để treo ở mỗi cọc một hàng dây buộc nối tiếp các hình dấu nhân nối liền đầu trên (bằng tre vầu vót mỏng gấp hai đầu lại) mà hình thức lao xao như sự hội tụ của nhiều người trong niềm vui ngày hội. Một điều không thể thiếu được là ở giữa bốn cọc đó bao giờ cũng trống cành gạo thẳng (to bằng cổ tay, cổ chân) cao hơn một mét. Gần đó, một chiếc sàn cao nhỏ cũng được dựng¹. Khi một số thanh niên và những người tham gia vào việc đâm trâu vừa đi vừa múa (ngược chiều kim đồng hồ) thì "thày mo" đã đứng trên sàn nhỏ. Người ta mải xem các điệu múa truyền thống nên chẳng mấy ai chú ý đến ông. Ông mo đọc cái gì đó cũng ít người biết tới, thỉnh thoảng ông lại nhúng cái lông gà vào trong ống nứa nhỏ cầm ở tay rồi rút ra vẩy xuống các phía như một hiện tượng cầu phúc trong lễ sức khỏe. Lần đầu tiên được xem đâm trâu, vấn đề không thuộc lĩnh vực chúng tôi từng nghiên cứu, nên phải chọn chỗ bên một già làng. Sau đó tôi được hiểu (có thể điều hiểu biết này chưa chính xác). Đâm trâu chỉ là khâu đầu của một tràng chuỗi liên tục trong cuộc thông linh để nhằm mục đích cụ thể nào đó của tín ngưỡng (như báo cáo hoặc xin ý kiến thần linh). Ông Mo đứng đọc những lời cầu xin, thông báo... với



thần. Sau đó, ông thay mặt gia chủ hoặc cộng đồng mà gửi những lời thiêng liêng ấy theo hồn trâu (cũng có khi ông xuất thần để cưỡi hồn trâu) leo qua trúc vũ trụ (cành gạo) lên tầng trên.

Trong tạo hình, nhiều biểu tượng dưới dạng thiếu thốn của cơ thể đã được một số nhà nghiên cứu cho rằng, đó là biểu tượng của mặt trăng hoặc liên quan đến mặt trăng, (như Hồ phù là một trong những điển hình). Về hiện tượng nhân dạng thì nổi bật nhất là thần Độc Cước. Thông thường thần Độc Cước đã gặp nhiều ở vùng ven biển của nước ta, nhất là ở các đảo ven bờ, nhưng nhiều khi thần Độc Cước cũng đi sâu vào trong đồng ở các vùng ven sông. Hiện tượng này được một vài nhà nghiên cứu dân tộc học mỹ thuật đưa ra một giả thuyết là: Không phải do thủy triều theo dòng sông mà ăn sâu vào đất liền, đây là một hiện tượng theo dòng di chuyển của các thương thuyền từ ngoài biển vào, cụ thể như những thuyền buôn lớn từ Nghệ An - Thanh Hóa đi

Quốc Vụ - Minh Khang: *Tản mạn về mặt trăng và...*

ngược dòng sông Hồng, ít nhất lên đến tận địa phận Vĩnh Phúc (hiện tượng khai thác sông Hồng trên dòng chảy thương mại có lẽ chỉ bắt đầu từ thế kỷ XVI) để đem hải sản lên miền ngược rồi đem sản vật của rừng núi về xuôi và lưu thông đến mọi miền của đất nước. Theo những con thuyền này, thì có thể văn hóa biển cũng được nhập vào các vùng đất liên quan, trong đó một hình tượng nổi bật là thần Độc Cước. Người ta có thể thấy được vị thần biển cả này mang tư cách một vị thần chính của một di tích lớn ở TP. Hà Nội, đó là đền/đinh Vẽ, nơi đây ngoài thần Độc Cước còn thờ cả Lê Khôi, một vị tướng thời Lê - sơ được hóa thân thành thần biển, thần buôn ở vùng cửa Cờn. Cùng đó cũng còn thờ cả vị thần Thổ Địa mà thực chất là thần Thổ Lệnh từ vùng Bạch Hạc - Tam Giang (Việt Trì, Phú Thọ) hội về. Bằng vào những sự kiện như kể trên, thì vị trí này đã là một trong những điểm trung chuyển, ngược xuôi của dòng thương mại. Ngoài ra, còn có thể tìm thấy được rất nhiều tượng thần Độc Cước khác, như ở đền



Độc Cước (chùa Kiên Lao, Xuân Trường, Nam Định) - Ảnh: Q.V



Quan lớn Triệu Tường, ở nhiều chùa thuộc vùng Bối Khê, Thanh Oai, hay một số nơi khác nữa. Đây là những hình tượng được nhiều nhà nghiên cứu liên quan cho là một biểu hiện gắn với văn hóa biển. Những tượng này còn thấy rất nhiều ở đất Nam Định mà một trong những điển hình là tại chùa Kiên Lao (xã Xuân Kiên, huyện Xuân Trường, tỉnh Nam Định).

Về mặt tạo hình, những tượng này thường không lớn, với độ cao thường chỉ từ 15cm đến 50cm. Tượng chỉ được thể hiện dưới dạng võ tướng với nửa người theo lối bồ dọc, nửa còn lại là mây cuộn đang trong thế vận vũ. Ở những tượng có niên đại tương đối sớm, từ thế kỷ XVIII trở về trước, thì mặt tượng thường gân guốc, cơ thể tượng đối nở, nhằm biểu hiện về một ước vọng trù phú và sự cương quyết. Các tượng muộn hơn thường có bộ mặt dịu và ít nhiều có nét chân dung. Áo của tượng dưới dạng của võ tướng, mà chúng ta cũng như đọc được ở đây, đó là "áo giáp nhẵn nhục", nhằm chống dục vọng để hướng tới việc hành đạo. Như vậy, tượng Độc Cước, được sinh ra, phải vì nhu cầu của con người mà tồn tại. Rõ ràng, về hình thức Ngài chỉ có một nửa, được coi như một biểu tượng nhân dạng của mặt trăng, nhưng tùy nơi mà chức năng của Ngài có khác nhau để thích ứng với yêu cầu của cuộc sống. Như ở đền Độc Cước (Sầm Sơn, Thanh Hóa), đền của Ngài nhìn thẳng xuống bãi biển, mà nơi đó đầy những mảng được làm bằng bương của ngư dân đánh cá ngoài khơi. Theo cố giáo sư Từ Chi mảng có tác dụng tốt trong việc chống sóng, chống chìm. Nhưng quan trọng hơn trong kết cấu là chiếc "giá" gác chèo được làm theo kiểu cong hình mặt trăng lưỡi liềm, chi tiết này không đơn giản chỉ làm chỗ gác chèo mà nó còn như một lời nhắc nhở cho vị thần, được coi là tối thượng, đang ngủ ở trong đền rồng, hãy dùng pháp lực vô lượng, vô biên mà bảo vệ và nâng đỡ họ khi ra khơi. Câu chuyện gắn với thần Độc Cước ở ngôi đền này còn đề cập tới việc Ngài đã bảo vệ dân cư trên cạn, mà người ta như đọc được ở chỗ Ngài đồng nhất với thần sấm sét khi dương cao lưỡi tầm sét (Phủ Việt) để diệt trừ bọn thủy quái của biển cả và lụt lội.

Theo dòng trôi chảy của tư duy liên tưởng dân dã, câu chuyện đã hướng đến việc Ngài tự chế thân làm đói, để một nửa cho biển cả và một nửa cho đất liền.

Nhưng, khi vào đến châu thổ Bắc bộ, thậm chí ngược lên cả vùng giáp Trung Du thì yếu tố biển dần bị hạn chế, nhiều khi thần Độc Cước được hội vào với đạo Phù Thủy để trở thành bộ ba, trong đó có vị thần tối thượng là Huyền Đàm rồi hai trợ thủ là Tôn Ngộ Không và Độc Cước (Đền Quan lớn Triệu Tường, Từ Liêm, TP. Hà Nội). Trở lại với những pho tượng thần Độc Cước ở chùa Kiên Lao, cũng dưới dạng nửa thân bồ dọc. Song, pho thì lộ nửa bên trái, pho thì lộ nửa bên phải. Hiện tượng này khiến nhóm khảo sát chúng tôi buộc phải suy nghĩ lại, bởi trước đây cho rằng, sự thiếu thốn của Độc Cước chỉ là biểu tượng của mặt trăng (vì thực tế thời gian trăng khuyết nhiều hơn trăng tròn). Nay đứng trước hai nửa, trái phải khác nhau đã dẫn chúng tôi có một ý kiến đột ngột mong đưa ra để cầu viện tới kiến thức của các nhà nghiên cứu uyên thâm. Phải chăng đây là hình tượng gắn với trăng thượng tuần và trăng hạ tuần, có nghĩa như sự cầu phúc sẽ trở nên liên tục gắn với nghề nông hơn.

Tượng thần Độc Cước là một dạng tượng đẹp, mang nhiều nét dân dã và mang hơi thở về ước vọng truyền đời của nhân dân lao động nước ta. Rất tiếc rằng những tượng này chưa được quan tâm đầy đủ mà sự mai một đang diễn ra có tính chất thường xuyên. Bằng những ý nghĩa tạm như nêu trên, chúng tôi mong thần Độc Cước được quan tâm nghiên cứu nhiều hơn nữa nhằm bảo tồn và phát huy một khía cạnh thuộc bản sắc của văn hóa dân tộc./.

Q.V- M.K

Chú thích:

- 1- Ngày nay ít nơi làm sàn, mà ông Mo đứng lẽ ngay ở cạnh cột, đồng thời người ta ném gạo lên lưng trâu mong những ước vọng thành đạt, đồng thời để tổng tiến linh hồn trâu, tránh sự trở lại gây họa.